

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO



**Cẩm nang công tác quản lý nhà nước
về lĩnh vực dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo**

(Tháng 9 năm 2026)

DANH MỤC CẨM NANG

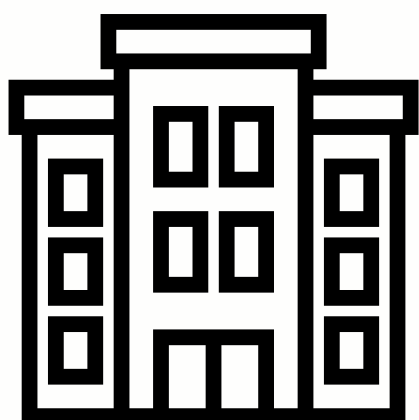
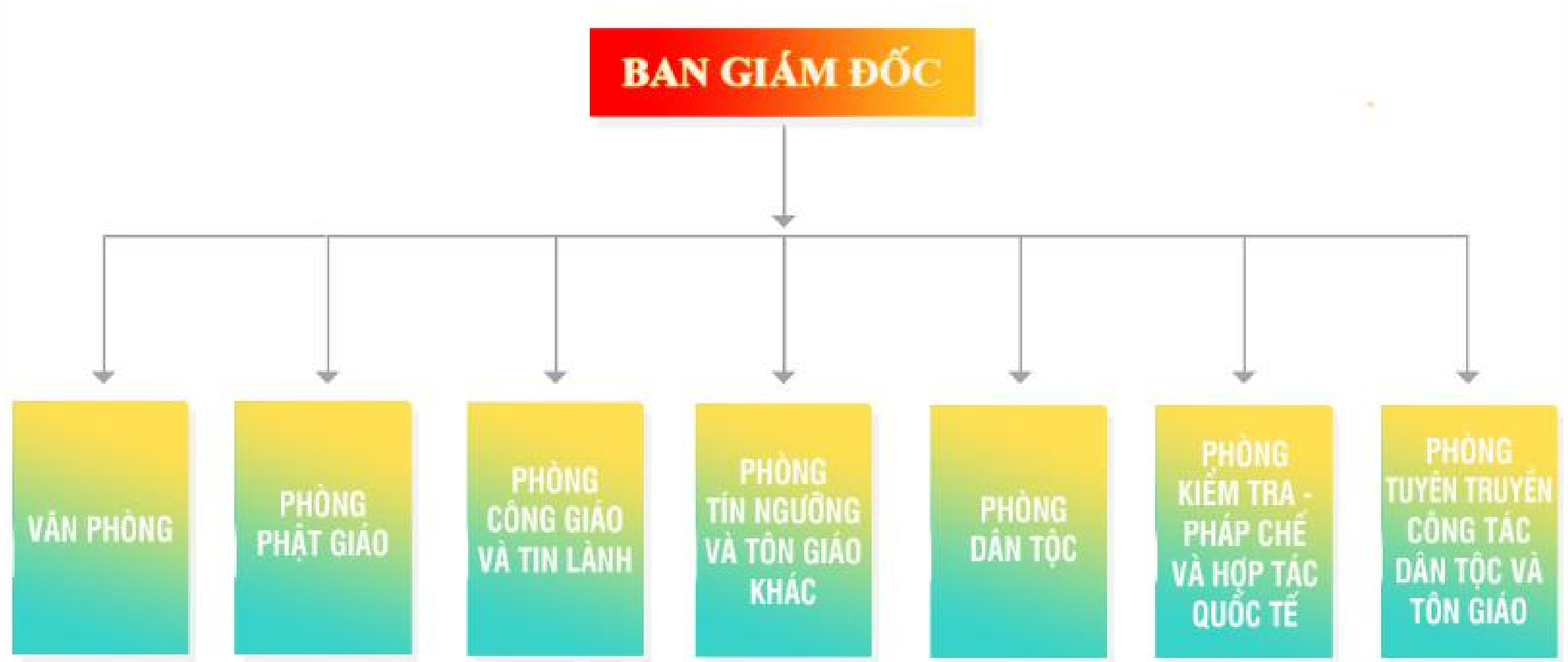
- 1. Giới thiệu Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố Hồ Chí Minh**
- 2. Danh mục địa giới hành chính các phường - xã, đặc khu Thành phố Hồ Chí Minh**
- 3. Văn bản chỉ đạo của Trung ương, Thành phố**
- 4. Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo**
- 5. Chính sách dân tộc**
- 6. Chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo**
- 7. Chính sách về tuyên truyền, phổ biến pháp luật**
- 8. Văn bản triển khai thực hiện công tác người có uy tín**
- 9. Chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc**

SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Ủy ban nhân dân Thành phố), thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo phân công, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; được trang bị phương tiện làm việc cần thiết theo quy định của pháp luật.

Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và các hoạt động khác của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về nghiệp vụ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố:



- Trụ sở 1: số 108 Ngô Quyền, Phường An Đông, TP. Hồ Chí Minh;
- Trụ sở 2: số 177 Lý Chính Thắng, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.



028 38552202

028 38552208

028 38591516



Với 77 cán bộ, công chức và người lao động

DANH MỤC ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CÁC PHƯỜNG - XÃ, ĐẶC KHU THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



**Khu vực TP. Hồ Chí Minh
(cũ)**



**Khu vực tỉnh Bình Dương
(cũ)**



**Khu vực tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(cũ)**

NHẤN VÀO MÃ QR ĐỂ XEM

VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA TRUNG ƯƠNG, THÀNH PHỐ

1. Nghị định số 124/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.
2. Thông tư số 02/2025/TT-BDTTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Dân tộc và Tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
3. Thông tư số 03/2025/TT-BDTTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.
4. Thông tư số 06/2025/TT-BDTTG ngày 25 tháng 6 năm 2025 quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.
5. Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo.
6. Quyết định số 3520/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo.



NHẤN VÀO MÃ QR ĐỂ XEM

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC DÂN TỘC, TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**

Số: **363** /QĐ-BDTTG

Hà Nội, ngày **19** tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố các thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo được tái cấu trúc quy trình giải quyết theo quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP

BỘ TRƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Căn cứ Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và Nghị định số 114/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi Khoản 12 Điều 3 Nghị định 41/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia và Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Ban Tôn giáo Chính phủ và Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo được tái cấu trúc quy trình giải quyết theo quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, cụ thể như sau:

1. Danh mục 16 thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo được tái cấu trúc quy trình giải quyết (Danh sách tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này).

2. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính được tái cấu trúc (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Pham*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Bộ Công an (C06, C12, V01);
- Trung tâm Chuyển đổi số;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ (để đưa tin);
- Lưu: VT, VP, TGCP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hải Trung

QUÉT MÃ QR



BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **21** /QĐ-BDTTG

Hà Nội, ngày **14** tháng **01** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

BỘ TRƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Căn cứ Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và Nghị định số 114/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi Khoản 12 Điều 3 Nghị định 41/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia và Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 134/QĐ-BDTTG ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-BDTTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Quyết định số 660/QĐ-BDTTG ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc công bố một số thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cơ quan công tác dân tộc và tôn giáo cấp tỉnh;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Công Thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, VP. **A**

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nông Thị Hà



QUÉT MÃ QR

Số: 800 /QĐ-BD TTG

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ
trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Dân tộc và Tôn giáo**

BỘ TRƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Căn cứ Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Nghị định số 114/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi khoản 12 Điều 3 Nghị định số 41/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 255/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Quốc gia về dân tộc và miền núi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Văn phòng Quốc gia về dân tộc và miền núi có trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2025 đối với các thủ tục hành chính nội bộ quy định trong Nghị định 255/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ.

2. Kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đối với các thủ tục hành chính nội bộ quy định trong Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Văn phòng Quốc gia về dân tộc và miền núi, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, VPQGDTMN

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Y Vinh Tơ



QUÉT MÃ QR

Số: 660/QĐ-BDTTG

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố một số thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

BỘ TRƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Căn cứ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Nghị định số 114/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 của Chính phủ sửa đổi khoản 12 Điều 3 Nghị định số 41/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Công văn số 336/KSTT-P3 ngày 05/8/2025 của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ về hỗ trợ nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ và Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, 01 TTHC được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được công bố tại

Quyết định số 134/QĐ-BD TTG về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo được thay thế bởi TTHC có mã số 1.012657 được công bố tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Ban

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo các tỉnh, thành phố;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Huế, Hà Tĩnh, Đồng Tháp, Hưng Yên, Ninh Bình;
- Công TTĐT Bộ (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC, VP, BTGCP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hải Trung

QUÉT MÃ QR



Số: 364/QĐ-BD TTG

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

BỘ TRƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Căn cứ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Nghị định số 114/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi khoản 12 Điều 3 Nghị định số 41/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Căn cứ ý kiến của Ban Tôn giáo Chính phủ tại văn bản số 611/TGCP-TH

ngày 23 tháng 6 năm 2025, Vụ Chính sách tại văn bản số 382/CV-CS ngày 23 tháng 6 năm 2025, Văn phòng Bộ tại văn bản số 402/VP-HCVTLT ngày 23 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Bãi bỏ các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 134/QĐ-BD TTG ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Quyết định số 211/QĐ-BD TTG ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực công tác dân tộc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 3. Ban Tôn giáo Chính phủ, Vụ Chính sách có trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ, Vụ trưởng Vụ Chính sách, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Nội vụ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC, BTGCP.



BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung



QUÉT MÃ QR

Số: 134/QĐ-BD TTG

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

BỘ TRƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Căn cứ Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 103 thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 2. Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 491/QĐ-BNV ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 491/QĐ-BNV ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Chánh Văn phòng Bộ, Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- UBND, Sở Dân tộc - Tôn giáo, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử (để đăng tải website);
- Lưu: VT, TGCP (10b), VP (P.VTLT&KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hải Trung



QUÉT MÃ QR

Số: 3520 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết
thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 67/TTr-SDTTG ngày 05 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **15** quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo, gồm:

1. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh: **04** quy trình.
2. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: **11** quy trình.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo-TTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố cấu hình quy trình điện tử đối với thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp tục theo dõi, kịp thời tham mưu điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính khi văn bản quy định thủ tục hành chính được ban hành mới, thay thế, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ, quy trình điện tử đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các quy trình nội bộ đã được phê duyệt trước đây đối với thủ tục hành chính nêu tại danh mục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- TTUB: CT; các PCT;
- VPUB: CVP, PCVP/VX;
- Trung tâm TTĐT TP;
- Trung tâm PV HCC TP;
- Lưu: VT, (KSTT/Tr).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Cường



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC

**Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính
không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3520 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Mã TTHC	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
A.	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH	
1.	1.012616	Đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo
2.	1.012628	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
3.	1.012629	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo
4.	1.012632	Đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
B.	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ	
1.	1.012222	Công nhận người có uy tín
2.	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín
3.	1.012582	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác
4.	1.012584	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã

STT	Mã TTHC	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
5.	1.012585	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung
6.	1.012590	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung
7.	1.012591	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng
8.	1.012592	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng
9.	1.013796	Đề nghị tổ chức Đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã
10.	1.013797	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã
11.	1.013798	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã



**NHẤN VÀO MÃ QR -
04 QUY TRÌNH THUỘC
THẨM QUYỀN CẤP TỈNH**



**NHẤN VÀO MÃ QR -
11 QUY TRÌNH THUỘC
THẨM QUYỀN CẤP XÃ**

Số: 728 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 67/TTr-SDTTG ngày 05 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **20** quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo-TTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố cấu hình quy trình điện tử đối với thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp tục theo dõi, kịp thời tham mưu điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính khi văn bản quy định thủ tục hành chính được ban hành mới, thay thế, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ, quy trình điện tử đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

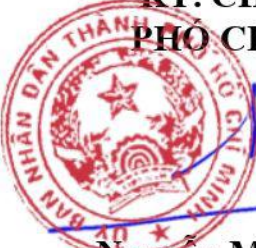
Bãi bỏ các quy trình nội bộ đã được phê duyệt trước đây đối với thủ tục hành chính nêu tại danh mục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi Thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp;
- TTUB: CT; các PCT;
- VPUB: CVP, PCVP/VX;
- Trung tâm TTĐT TP;
- Trung tâm PV HCC TP;
- Lưu: VT, (KSTT/N).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Cường



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC

**Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính
không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 728 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
1	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
2	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
3	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh
4	Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức
5	Đề nghị tự giải thể của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương
6	Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
7	Đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
8	Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
9	Đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
10	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác

STT	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
11	Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung
12	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh
13	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam
14	Đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam
15	Đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích
16	Đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam
17	Đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
18	Đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
19	Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
20	Đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc



NHẤN VÀO MÃ QR ĐỂ XEM

Số: 4275 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 94/TTr-SDTTG ngày 29 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **11** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục thứ tự B.1, B.2, B.3, B.9, B.14, B.16, B.17, B.21, D.1, D.5, D.6 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp;
- TTUB: CT, PCT Nguyễn Mạnh Cường;
- VPUB: CVP, PCVP/VX;
- TT TTĐT TP;
- TT PV HCC TP;
- Lưu: VT, (KSTT/Tr).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Cường



NHẤN VÀO MÃ QR ĐỂ XEM

Số: 3059 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Dân tộc và Tôn giáo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-BDTTG ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 56/TTr-SDTTG ngày 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục **02** thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2025 đối với các thủ tục hành chính nội bộ quy định trong Nghị định 255/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ.

2. Kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đối với các thủ tục hành chính nội bộ quy định trong Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP: Cục Kiểm soát TTHC;
- TTUB: CT, PCT Nguyễn Mạnh Cường;
- VPUB: CVP, PCVP/VX;
- TT TTĐT TP;
- TT PV HCC TP;
- Lưu: VT, (KSTT/Tr).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Mạnh Cường



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3059 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên văn bản quy định thủ tục hành chính nội bộ
1	Chưa có	Phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030	1. Ủy ban nhân dân cấp xã: 15 ngày làm việc 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 30 ngày làm việc 3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo: 30 ngày làm việc	1. Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã 2. Cơ quan tiếp nhận: Sở Dân tộc và Tôn giáo 3. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Dân tộc và Tôn giáo	- Nghị định số 255/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030. - Quyết định số 800/QĐ-BD TTG ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.
2	Chưa có	Phê duyệt danh sách xã, thôn, tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030	1. Ủy ban nhân dân cấp xã: 25 ngày làm việc 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 45 ngày làm việc 3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo: 15 ngày làm việc	1. Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã 2. Cơ quan tiếp nhận: Sở Dân tộc và Tôn giáo 3. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Dân tộc và Tôn giáo	- Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030. - Quyết định số 800/QĐ-BD TTG ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Số: 1889 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 26/TTr-SDTTG ngày 29 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **02** thủ tục hành chính lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo, gồm: 01 thủ tục mới ban hành và 01 thủ tục được sửa đổi, bổ sung.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố có trách nhiệm cấu hình thủ tục hành chính trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố các thủ tục thứ tự B.15 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP: Cục Kiểm soát TTHC;
- TTUB: CT, PCT Nguyễn Mạnh Cường;
- VPUB: CVP, PCVP/VX;
- TT TTĐT TP;
- TT PV HCC TP;
- Lưu: VT, (KSTT/Tr).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Dân tộc và Tôn giáo: 108 Ngô Quyền, phường An Đông. - Trung tâm phục vụ hành chính công: Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương. - Trung tâm phục vụ hành chính công: Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa.	Không	- Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. - Quyết định số 660/QĐ-BD TTG ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc công bố một số thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ	- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Dân tộc và Tôn giáo: 108 Ngô Quyền, phường An Đông. - Trung tâm phục vụ hành chính công: Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương.	Không	- Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. - Quyết định số 660/QĐ-BD TTG ngày 18 tháng 9

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam		- Trung tâm phục vụ hành chính công: Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa.		năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc công bố một số thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Số: 3338 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 24/TTr-SDTTG ngày 27 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo, cụ thể:

- Lĩnh vực Công tác dân tộc: 02 thủ tục được sửa đổi, bổ sung (Phụ lục I);
- Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo: 05 thủ tục mới ban hành; 28 thủ tục được sửa đổi, bổ sung và 30 thủ tục bãi bỏ (Phụ lục II).

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

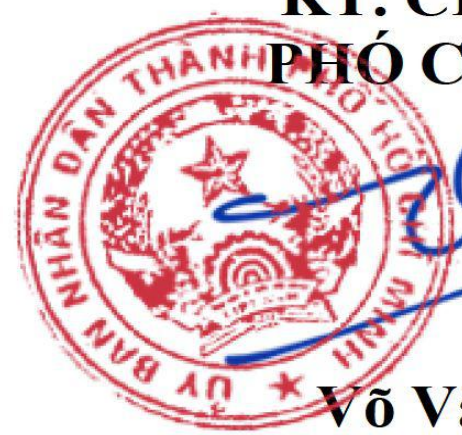
Bãi bỏ tất cả Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính trước đây đối với các lĩnh vực nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP: Cục Kiểm soát TTHC;
- TTUB: CT, PCT Võ Văn Hoan;
- VPUB: CVP, PCVP/VX;
- VP UBND tỉnh Bình Dương;
- VP UBND tỉnh BRVT;
- UBND cấp huyện;
- Trung tâm Thông tin điện tử TP;
- Trung tâm Chuyển đổi số TP;
- Phòng Kiểm soát TTHC;
- Lưu: VT, KSTT/Tr.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Hoan



NHẤN VÀO MÃ QR ĐỂ XEM

CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

1. Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035.
2. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác dân tộc.
3. Kết luận số 65-KL/TW ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới.
4. Nghị quyết số 52-NQ/CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.
5. Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.
6. Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.
7. Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
8. Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-UBDT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Dân tộc về công tác dân tộc (Hợp nhất Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc và Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc).
9. Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045.
10. Kế hoạch số 5018/KH-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình hành động thực hiện chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh



**NHẤN VÀO MÃ QR
ĐỂ XEM**

Số: 83/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh, sinh viên,
học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số trên
địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP
ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử
lý văn bản quy phạm pháp luật;*

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ Về Công tác dân tộc;

*Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính
sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ
trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân
định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà
nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 944/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân Thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ giáo dục
đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu
số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 926/BC-BVHXXH ngày
08 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;*

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng và các chính sách hỗ trợ

1. Chính sách hỗ trợ tập vở, sách giáo khoa đối với học sinh, học viên là người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

a) Đối tượng hỗ trợ:

Học sinh, học viên người dân tộc thiểu số đang học tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và ngoài công lập, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt (không bao gồm học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập có yếu tố nước ngoài và học sinh đang học tại Trường Phổ thông dân tộc nội trú Bà Rịa - Vũng Tàu).

b) Mức hỗ trợ: tập vở, sách giáo khoa (bao gồm sách ngoại ngữ) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho mỗi học sinh tối đa như sau:

Cấp tiểu học: tối đa 400.000 đồng/học sinh/năm học;

Cấp trung học cơ sở: tối đa 500.000 đồng/học sinh/năm học;

Cấp trung học phổ thông: tối đa 600.000 đồng/học sinh/năm học;

Việc hỗ trợ được quyết toán căn cứ trên hóa đơn thực tế, nhưng không vượt quá mức tối đa quy định tại khoản này.

2. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

a) Đối tượng hỗ trợ:

Học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc Chăm, Chơ Ro, Khmer thường trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đang học tại các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, các viện nghiên cứu, học viện trong cả nước có chức năng đào tạo sau đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học sinh, sinh viên là các dân tộc thiểu số khác thuộc diện hộ mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng, thường trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đang học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn cả nước.

Học viên cao học và nghiên cứu sinh là các dân tộc thiểu số khác, thường trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn

nghèo của địa phương đang học tại các viện nghiên cứu, học viện, trường đại học trong cả nước có chức năng đào tạo sau đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Không hỗ trợ chi phí học tập cho các trường hợp sau:

Học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số đang học hệ cử tuyển, trường dự bị đại học, đại học văn bằng thứ hai;

Sinh viên dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học đã được hưởng hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người học tại các cơ sở giáo dục đại học đã được hưởng chính sách hỗ trợ học tập quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 05 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Học viên cao học và nghiên cứu sinh được đào tạo ở nước ngoài và đào tạo theo các chương trình liên kết về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; học viên cao học, nghiên cứu sinh được đào tạo theo Chương trình của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố đã được hỗ trợ về chính sách.

c) Mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chương trình đào tạo học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh.

3. Trường hợp đối tượng áp dụng của Nghị quyết này đồng thời đáp ứng điều kiện để được hỗ trợ nội dung chi tương tự tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì việc xem xét, quyết định hỗ trợ được thực hiện như sau:

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

b) Trường hợp mức hỗ trợ tại Nghị quyết này là cao hơn thì đối tượng áp dụng được hưởng mức hỗ trợ thêm bằng phần chênh lệch giữa mức chi của Nghị quyết này với mức chi của văn bản được áp dụng quy định tại điểm a khoản này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Các đối tượng đang hưởng chính sách theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục được hỗ trợ theo định mức quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này cho đến hết khóa học và kết thúc trước ngày 31 tháng 12 năm 2029.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Dân tộc và Tôn giáo, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (P.CTHĐND - Tuyên).



CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

Số: 1656 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 13/TTr-SDTTG ngày 10 tháng 03 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở: Dân tộc và Tôn giáo, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Phòng VX, TH, NCPC, KT;
- Lưu: VT, VX-MDg.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thị Diệu Thúy



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp thực hiện Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND
ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về
chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học,
nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2026
của Ủy ban nhân dân Thành phố)**

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, phương thức, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục và các tổ chức có liên quan trong việc tổ chức thực hiện, quản lý, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND*).

2. Đối tượng áp dụng

- Quy chế này áp dụng đối với các Sở: Dân tộc và Tôn giáo, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

- Học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ giáo dục theo Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Phối hợp trên cơ sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị bảo đảm đúng quy định, đối tượng, nội dung chính sách; công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ.

2. Trong quá trình phối hợp, các cơ quan, đơn vị phải thực hiện rõ trách nhiệm; không trùng lặp; không bỏ sót nhiệm vụ. Trường hợp nội dung phối hợp liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị, nhưng đơn vị đó không phối hợp, phối hợp thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ theo Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ sai phạm sẽ chịu trách nhiệm theo quy định.

3. Phối hợp trên tinh thần chủ động, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi nhằm mang lại hiệu quả cao.

Chương II

NỘI DUNG CHÍNH SÁCH VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN

Điều 3. Chính sách hỗ trợ tập vở, sách giáo khoa đối với học sinh, học viên là người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

1. Đối tượng áp dụng và mức hỗ trợ thực hiện theo khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND.

2. Quy trình thực hiện

a) Rà soát và xác định đối tượng:

- Đề xác định đối tượng thụ hưởng là người dân tộc thiểu số, các đơn vị thực hiện căn cứ vào giấy khai sinh của người học.

- Đối với cơ sở giáo dục tiểu học và trung học cơ sở thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quản lý: Hằng năm nhà trường rà soát lập danh sách học sinh, học viên là người dân tộc thiểu số theo hồ sơ quản lý trước ngày 20 tháng 6; đối với học sinh đầu cấp (lớp 1, lớp 6), thực hiện sau khi hoàn tất tuyển sinh và tiếp nhận hồ sơ nhập học, chậm nhất ngày 15 tháng 7 (*mẫu theo Phụ lục I đính kèm*).

- Đối với cơ sở giáo dục trung học phổ thông và đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý: Hằng năm nhà trường rà soát lập danh sách học sinh, học viên là người dân tộc thiểu số theo hồ sơ quản lý trước ngày 20 tháng 6; đối với học sinh đầu cấp (lớp 10), thực hiện sau khi hoàn tất tuyển sinh và tiếp nhận hồ sơ nhập học, chậm nhất ngày 5 tháng 8 (*mẫu theo Phụ lục I đính kèm*).

b) Thực hiện mua sắm, cấp phát, thanh quyết toán và lập dự toán kinh phí

Sau khi rà soát, cơ sở giáo dục ban hành Quyết định phê duyệt danh sách học sinh, học viên là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ tập vở, sách giáo khoa (bao gồm sách ngoại ngữ) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu theo phân cấp quản lý bao gồm: (i) Quyết định phê duyệt danh sách được hỗ trợ tập vở, sách giáo khoa (đính kèm danh sách theo mẫu Phụ lục I) (quyết toán căn cứ trên hóa đơn thực tế, nhưng không vượt quá mức tối đa quy định tại khoản 1 Điều này) và kinh phí đề nghị hỗ trợ; (ii) Hồ sơ xác nhận đối với đối tượng hỗ trợ (giấy khai sinh) để đề nghị cấp kinh phí cho cơ sở giáo dục thực hiện chi hỗ trợ theo quy định.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ cơ sở giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu rà soát, thẩm định hồ sơ và thực hiện cấp kinh phí về cơ sở giáo dục trong 05 ngày làm việc.

Căn cứ kinh phí hỗ trợ được cấp quản lý chuyển vào tài khoản của cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm trực tiếp mua tập vở, sách giáo khoa và cấp phát cho học sinh, học viên trước ngày khai giảng năm học mới ít nhất 10 ngày.

Hàng năm, các cơ sở giáo dục căn cứ vào số lượng học sinh, học viên được hưởng chính sách để lập danh sách và xây dựng dự toán, gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trước ngày 30 tháng 9 theo phân cấp quản lý nhà nước, bảo đảm đúng thời hạn quy định để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

1. Đối tượng áp dụng và mức hỗ trợ thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 2 và Điều 6 của Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Quy trình thực hiện

a) Rà soát, xác nhận và phê duyệt danh sách

- Hàng năm, vào tháng 9, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu có văn bản triển khai cho khu phố, thôn, ấp rà soát, lập danh sách đối tượng thụ hưởng theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 2 của Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 trong thời gian 20 ngày làm việc.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tổng hợp danh sách đối tượng hỗ trợ từ khu phố, thôn, ấp; tiến hành thẩm định đối tượng hỗ trợ về nơi thường trú, diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng gửi danh sách về cơ sở đào tạo nơi học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh đang theo học trong tháng 10 hàng năm để xác nhận thời gian, tình trạng học tập (*mẫu theo Phụ lục II, III đính kèm*).

- Căn cứ vào xác nhận bằng văn bản của cơ sở đào tạo nơi học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh gửi về, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu ban hành Quyết định phê duyệt danh sách, công khai danh sách và thời gian chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của đơn vị, niêm yết danh sách tại trụ sở làm việc của cơ quan, triển khai cho khu phố, thôn ấp để thông báo cho đối tượng thụ hưởng biết và thực hiện chi trả hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong thời gian 15 ngày (trong đó, có 10 ngày hoàn tất thủ tục hồ sơ chi hỗ trợ, thông báo đến đối tượng thụ hưởng trong thời gian 05 ngày làm việc).

b) Thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ

Trong một năm học, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập 2 lần: lần 1 chi trả vào tháng 12 của năm trước; lần 2 chi trả vào tháng 6 năm sau. Trường hợp học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh chưa được nhận kinh phí hỗ trợ của lần 1 thì được truy lĩnh trong lần 2.

Điều 5. Lập dự toán kinh phí

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán, Ủy ban nhân dân xã, phường,

đặc khu phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát kinh phí thực hiện các chính sách theo Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 gửi Sở Tài chính bằng văn bản, để tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện cho dự toán năm sau.

Nguồn kinh phí thực hiện: từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo

a) Chủ trì hướng dẫn quy trình tổ chức thực hiện Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai, thực hiện Quy chế này.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, theo dõi, tổng hợp báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Nghị quyết và tham mưu đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện (nếu có) về Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Xây dựng kế hoạch phối hợp với các cơ quan có liên quan và địa phương tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện và chi trả các chính sách hỗ trợ theo Quy chế này.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Phối hợp triển khai thực hiện Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND đến các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách đến phụ huynh, học sinh, học viên, sinh viên; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc xác nhận thời gian, tình trạng học tập của người học theo quy định.

c) Tổng hợp dự toán kinh phí của cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm, trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định; thực hiện phân bổ kinh phí kịp thời cho cơ sở giáo dục để thực hiện chính sách hỗ trợ tập vở, sách giáo khoa cho học sinh là người dân tộc thiểu số.

3. Sở Tài chính

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, bố trí kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục trong dự toán chi ngân sách hằng năm cho Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố

a) Hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường, đặc khu phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân

dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn.

b) Triển khai đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường, đặc khu xây dựng kế hoạch khảo sát, thống kê đối tượng thụ hưởng theo Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố và hướng dẫn Ban Công tác Mặt trận tại địa phương phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện.

c) Chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật; kịp thời phản ánh, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

5. Ủy ban nhân dân xã, phường và đặc khu

a) Tổ chức triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục theo Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND và Quy chế này trên địa bàn quản lý; ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các bộ phận chuyên môn, khu phố, thôn, ấp thực hiện công tác tuyên truyền, rà soát, lập danh sách đối tượng thụ hưởng theo đúng quy định.

b) Chủ trì rà soát, thẩm định, xác nhận và phê duyệt danh sách học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc diện được hỗ trợ; phối hợp với các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo trong việc xác nhận thời gian, tình trạng học tập của người học theo quy định.

c) Thực hiện công khai danh sách đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian và hình thức chi trả; tổ chức chi trả kinh phí hỗ trợ đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ; bảo đảm thuận lợi cho người thụ hưởng.

d) Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình và kết quả thực hiện về Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo.

đ) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, giám sát quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục trên địa bàn.

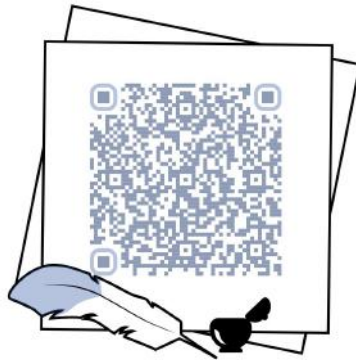
Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Tổ chức thực hiện Quy chế

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế này; chủ động báo cáo, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh cần bổ sung, sửa đổi, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm tổng hợp nguyên nhân, đề xuất giải pháp gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo./.



**NHẤN VÀO MÃ QR - PHỤ LỤC
ĐÍNH KÈM QUY CHẾ**

CHÍNH SÁCH VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

1. Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác tôn giáo.
2. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.



**NHẤN VÀO MÃ QR
ĐỂ XEM**

CHÍNH SÁCH VỀ TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT

1. Công văn số 4049/UBND-NCPC ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030”.
2. Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quyết định phê duyệt Chiến lược truyền thông của chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030.
3. Kế hoạch số 1087/KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó bạo lực trên cơ sở giới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2025 - 2030.



**NHẤN VÀO MÃ QR
ĐỂ XEM**

VĂN BẢN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC NGƯỜI CÓ UY TÍN

1. Nghị định số 307/2026/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định về lựa chọn, công nhận, chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và chính sách thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà, động viên, gặp mặt, biểu dương, tôn vinh đối với một số tổ chức, cá nhân người dân tộc thiểu số.
2. Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.
3. Văn bản hợp nhất số 947/VBHN-UBDT ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban Dân tộc về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (Hợp nhất Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018).
4. Quyết định số 2561/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường vai trò của người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số”.
5. Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân công nhiệm vụ quản lý, thực hiện chính sách và công tác dân tộc, phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.



NHẤN VÀO MÃ QR ĐỂ XEM

QUY TRÌNH BÌNH CHỌN NGƯỜI CÓ UY TÍN

1. Công nhận người có uy tín

- a) Trưởng thôn tổ chức họp thôn (có sự tham gia của ít nhất 2/3 số hộ gia đình trong thôn) để phổ biến về nội dung chính sách, tiêu chí, điều kiện, số lượng và đề cử danh sách lựa chọn người có uy tín (theo Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg) gửi Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn;
- b) Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn tổ chức họp liên tịch (có sự tham gia của đại diện Chi ủy, chính quyền, Ban công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể và đại diện hộ dân trong thôn), lập văn bản đề nghị kèm theo biên bản họp liên tịch thôn (theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã;
- c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, kiểm tra, lập hồ sơ (01 bộ, gồm: văn bản đề nghị, biên bản kiểm tra theo Mẫu số 3 Phụ lục kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg, bản tổng hợp danh sách đề nghị công nhận người có uy tín theo Mẫu số 4 Phụ lục kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg) gửi xin ý kiến cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh;
- d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của xã, cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, rà soát và có văn bản trả lời Ủy ban nhân dân cấp xã;
- đ) Chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thống nhất của cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận người có uy tín trên địa bàn xã (danh sách theo Mẫu số 01 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025) và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh) kết quả thực hiện để theo dõi, chỉ đạo.

2. Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín

a) Khi có trường hợp cần đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn thống nhất với Chi ủy chi bộ và tổ chức họp liên tịch (có sự tham gia của đại diện Chi ủy, chính quyền, Ban công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể và đại diện hộ dân trong thôn), lập văn bản đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín (kèm theo biên bản họp liên tịch thôn theo Mẫu số 02 và Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, tổng hợp và lập hồ sơ (01 bộ, gồm: văn bản đề nghị; biên bản kiểm tra theo Mẫu số 03 và Mẫu số 07 Phụ lục kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg; bản tổng hợp danh sách đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín theo Mẫu số 02 Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025) gửi cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của xã, cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh kiểm tra, rà soát và có văn bản trả lời Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín (danh sách theo Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua cơ quan chuyên môn dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh) kết quả thực hiện để theo dõi, chỉ đạo

Mẫu biểu hồ sơ công nhận, đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín (kèm theo Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH.....
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND xã....)

T T	Họ tên NCUT	Tổn g (3= 4+5)	Năm sinh		Dâ n tộc	Nơi cư trú (thôn)	Trình độ học vấn/chuyê n môn	Thành phần người có uy tín*													Ghi chú
			Na m	N ữ				Bí thư Ch i bộ	Trưởn g thôn, bản và tương đương	Trưởn g ban công tác Mặt trận	Già làng g	Trưởn g dòng họ, tộc trưởng	Cán bộ ngh i hưu	Sư sãi, chứ c sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng thầy làng	Nghệ nhân người DTT S	Nhân sĩ, trí thức người DTT S	Ngườ i sản xuất, doanh nhân	Đan g viên	Thàn h phần khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1																					
2																					
																					
	Tổng cộng																				

Ghi chú:

- Cột (6): Ghi cụ thể dân tộc của người có uy tín (NCUT), ví dụ; dân tộc Thái, Tày, Ê đê, Khmer,...
- Cột (7): Ghi cụ thể thôn, bản, tổ dân phố.... nơi NCUT đang sinh sống, cư trú.
- Cột (8): Ghi cụ thể trình độ học vấn (Tiểu học, THCS, THPT)/trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, đại học...).
- Từ Cột (9) đến cột (21): Ghi cụ thể thành phần của NCUT, ví dụ: Già làng, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Bí thư Chi bộ...

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH.....
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP DANH SÁCH

Đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số...

TT	DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ, BỔ SUNG									Ghi chú
	Họ tên NCUT	Năm sinh			Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)	Thành phần NCUT	Trình độ học vấn/chuyên môn	Lý do đưa ra	Họ tên NCUT	Năm sinh			Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)	Thành phần NCUT	Trình độ học vấn/chuyên môn	Lý do thay thế, bổ sung	
		Tổng (3= 4+5)	Nam	Nữ							Tổng (12= 13+14)	Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1																			
2																			
																			
	Tổng																		

Ghi chú:

- Cột (6), (15): Ghi cụ thể dân tộc của người có uy tín (NCUT).
- Cột (7), (16): Ghi cụ thể thôn, bản, tổ dân phố.... Nơi NCUT đang sinh sống, cư trú.
- Cột (8), (17): Ghi cụ thể thành phần của NCUT, ví dụ: Già làng, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Bí thư Chi bộ...
- Cột (9), (18): Ghi cụ thể trình độ học vấn (Tiểu học, THCS, THPT)/trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, đại học...).
- Cột (10), (19): Ghi cụ thể lý do đưa NCUT ra khỏi danh sách/ lý do NCUT được thay thế, bổ sung.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số....

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND xã.....)

TT	Họ tên NCUT	Tổng (3=4+5)	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)	Trình độ học vấn/chuyên môn	Thành phần người có uy tín (NCUT)													Lý do đưa ra
			Nam	Nữ				Bí thư Chi bộ	Trưởng thôn, bản và tương đương	Trưởng ban công tác Mặt trận	Già làng	Trưởng họ, tộc trưởng	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang	Nghệ nhân DTTS	Nhân sĩ, trí thức người DTTS	Người sản xuất, doanh nhân	Đảng viên	Thành phần khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1									...												
2									...												
																					
	Tổng																				

Ghi chú:

- Cột (6): Ghi cụ thể dân tộc của người có uy tín (NCUT).
- Cột (7): Ghi cụ thể thôn, bản, tổ dân phố.... Nơi NCUT đang sinh sống, cư trú.
- Cột (8): Ghi cụ thể trình độ học vấn (Tiểu học, THCS, THPT)/trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, đại học...).
- Từ Cột (9) đến (21): Ghi cụ thể thành phần của NCUT, ví dụ: Già làng, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Bí thư Chi bộ...
- Cột (9), (17): Ghi cụ thể lý do đưa NCUT ra khỏi danh sách/ lý do NCUT được thay thế, bổ sung.

II. DANH SÁCH THAY THẾ, BỔ SUNG NGƯỜI CÓ UY TÍN

T T	Họ tên NCUT	Tổng g (3= 4+5)	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)	Trình độ học vấn/chuyên n môn	Thành phần người có uy tín (NCUT)													Lý do thay thế, bổ sung NCU T
			Na m	N ữ				Bí thư Ch i bộ	Trưởn g thôn, bản và tương đương	Trưởn g ban công tác Mặt trận	Già làng g	Trưởn g dòng họ, tộc trưởng	Cán bộ ngh i hưu	Sư sãi, chứ c sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng thầy lang,	Nghệ nhân người DTT S	Nhân sĩ trí thức người DTT S	Ngườ i sản xuất, doanh nhân	Đàn g viên	Thàn h phần khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1									...												
2									...												
																					
	Tổng																				

Ghi chú:

- Cột (6): Ghi cụ thể dân tộc của người có uy tín (NCUT).
- Cột (7): Ghi cụ thể thôn, bản, tổ dân phố.... Nơi NCUT đang sinh sống, cư trú.
- Cột (8): Ghi cụ thể trình độ học vấn (Tiểu học, THCS, THPT)/trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, đại học...).
- Từ Cột (9) đến (21): Ghi cụ thể thành phần của NCUT, ví dụ: Già làng, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Bí thư Chi bộ...
- Cột (22): Ghi cụ thể lý do NCUT được thay thế, bổ sung.

Thành phố Hồ Chí Minh hiện có 1.230 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (tính đến ngày 10 tháng 9 năm 2025), trong đó:



Dân tộc Hoa
703 người



Dân tộc Kinh
363 người



Dân tộc Chăm
44 người



Dân tộc Khmer
44 người



Dân tộc Choro
24 người



Dân tộc Tày
22 người



Dân tộc Mường
16 người



Dân tộc Thái
04 người



Dân tộc Nùng
04 người



Dân tộc Sán Chí
02 người



Dân tộc Êđê
01 người



Dân tộc Sán Dìu
01 người



Dân tộc K'Ho
01 người



Dân tộc M'nông
01 người

CHÍNH SÁCH BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC

1. Kế hoạch số 3693/KH-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn hiện nay” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025.
2. Công văn số 152/UBND-VX ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao nhiệm vụ bảo tồn và phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số.
3. Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Bộ tài liệu dạy và học tiếng Hoa, Khmer, Chăm phục vụ việc tổ chức học tiếng nói, chữ viết cho cán bộ, công chức, viên chức và đồng bào dân tộc Hoa, Khmer, Chăm tại Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Kế hoạch số 5797/KH-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức bồi dưỡng tiếng nói, chữ viết dân tộc cho cán bộ, công chức và đồng bào dân tộc Hoa, Khmer, Chăm tại Thành phố Hồ Chí Minh.



NHẤN VÀO MÃ QR ĐỂ XEM

DI SẢN VĂN HÓA CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia “Tập quán xã hội và tín ngưỡng Tết Nguyên tiêu của người Hoa ở Quận 5”, được công nhận 2020

Tết Nguyên tiêu, còn được gọi là Tết Thượng Nguyên (Tết Rằm tháng Giêng), là một ngày lễ truyền thống bắt nguồn từ Trung Quốc được tổ chức vào ngày rằm tháng Giêng âm lịch. Đây là ngày lễ hội truyền thống của đồng bào Hoa. Vào dịp Nguyên tiêu, đồng bào người Hoa thường đi chùa, miếu cầu cho một năm bình an, khỏe mạnh và phát tài phát lộc.



Tâm điểm của Lễ hội Nguyên tiêu chính là chương trình diễu hành nghệ thuật trên các tuyến phố của Quận 5 (Tp. Hồ Chí Minh cũ); Các diễn viên hóa trang thể hiện phong tục tập quán của các nhóm ngôn ngữ người Hoa, kết hợp biểu diễn lân sư rồng, phèn la, ... diễu hành trên các đường Châu Văn Liêm, Lão Tử, Lương Nhữ Học, Nguyễn Trãi, Trần Xuân Hòa, Trần Hưng Đạo và các Hội quán của người Hoa



2. Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia “Nghệ thuật lân sư rồng của người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh”, được công nhận 2025

Nghệ thuật lân, sư, rồng là một hình thức nghệ thuật trình diễn đặc trưng của người Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh, phản ánh hiện thực đời sống của cộng đồng người Hoa.



Ba linh vật: Lân, Sư, Rồng đều mang tính thần thoại, đại diện cho mong ước thịnh vượng, may mắn, xua đuổi điềm xấu, thường được biểu diễn trong các lễ hội: Tết Nguyên đán, Tết Trung thu, ngày khai trương, động thổ,...



LỄ HỘI VĂN HÓA, TÍN NGƯỠNG CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐƯỢC TỔ CHỨC ĐỊNH KỲ, THƯỜNG XUYÊN

1. Lễ hội truyền thống của dân tộc Hoa

Tết Nguyên tiêu (Tết Thượng nguyên, Tết Rằm tháng Giêng)



- Trong những ngày này thường diễn ra rất nhiều hoạt động sôi nổi và đặc sắc như: viếng chùa, đấu đèn, hát tuồng cổ, múa lân, múa rồng, diễu hành nghệ thuật .

- Lễ hội thường diễn ra thành một đợt hoạt động kéo dài từ 3 đến 4 ngày (khoảng từ ngày 12, 13 đến rằm tháng giêng Âm lịch hàng năm).



Lễ hội Tả Tài Phán (Cầu An)

- Đây là hoạt động văn hóa tín ngưỡng, mang đậm ý nghĩa tâm linh của đồng bào người Hoa. Đây là dịp người dân cầu cho linh hồn người đã khuất được siêu thoát, cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, vạn vật sinh sôi nảy nở, đời sống Nhân dân ấm no hạnh phúc.

- Lễ hội được tổ chức với nhiều nghi thức truyền thống như: lễ dâng hương; lễ rước thần linh; lễ cầu thọ; lên núi đao, qua biển lửa; lễ cầu siêu ..

- Thời gian tổ chức: Tháng 9 hoặc tháng 12 âm lịch.

2. Lễ hội truyền thống của dân tộc Khmer

Tết Chol Chnam Thmay

Lễ hội mừng năm mới theo lịch cổ truyền của dân tộc Khmer. Tổ chức vào trung tuần tháng Tư dương lịch (ngày 14, 15, 16 tháng “chết” của lịch Khmer. Hoạt động của ngày Tết này kéo dài liên tục trong 03 ngày

- Ngày thứ nhất gọi là “Maha Songkran”, đây là ngày người Khmer đến chùa dâng hương, cúng tế tổ tiên.

- Ngày thứ hai gọi là “Virak Wanabat”, trong ngày này, người Khmer thường dâng cơm, thức ăn mời các nhà sư và thực hiện lễ “đắp núi cát”

- Ngày thứ ba gọi là “Tngay Leang Saka”, đây là ngày người Khmer dùng nước thơm để tắm Phật, trẻ nhỏ dùng nước thơm để rảy lên người các bậc trưởng bối.



Lễ Ok Om Bok (Lễ cúng Trăng, “Đút cốm dẹp”)



Diễn ra vào ngày rằm tháng 10 âm lịch hàng năm. Cúng trăng là để tạ ơn Thần Mặt trăng trong một năm đã bảo vệ mùa màng, đem lại mưa thuận gió hòa, giúp mùa màng bội thu.

Đút cốm dẹp là nghi thức quan trọng của lễ Ok Om bok.



Lễ Sel Dolta



Được tổ chức trong ba ngày, từ ngày 29 tháng Tám đến mùng 1 tháng Chín âm lịch hàng năm

Trong lễ này, người Khmer tổ chức dâng cơm, lễ vật lên ông bà tổ tiên đã khuất và tham gia các hoạt động văn hóa tại chùa, thể hiện lòng hiếu hạnh và tưởng nhớ nguồn cội

3. Lễ hội truyền thống của dân tộc Chăm (Islam)

Tháng Ramadan Diễn ra vào tháng 9 lịch Hồi giáo, không cố định theo dương lịch

Tháng Ramadan là lễ trọng của đồng bào dân tộc Chăm Islam tại Thành phố.

Trong tháng này, đồng bào dân tộc Chăm Islam thực hiện một số nghi thức tôn giáo đặc biệt, bao gồm nhịn ăn, cầu nguyện và thực hành lòng nhân ái

Lễ Raya Eid Al Fitri (Tết đón năm mới)

Là lễ trọng của đồng bào dân tộc Chăm Islam, đánh dấu thời điểm kết thúc năm cũ, bước vào năm mới theo lịch Hồi giáo và là một lễ trọng truyền thống có ý nghĩa quan trọng trong đời sống, văn hóa của đồng bào dân tộc Chăm Islam.



4. Lễ hội truyền thống của dân tộc Choro

Lễ hội Jang Vri (Lễ cúng Nhang Rừng)

Được tổ chức vào tháng 3 âm lịch, với ý nghĩa tạ ơn Thần Rừng đã cho một mùa bội thu và cầu mong mưa thuận, gió hòa để sản xuất nông nghiệp.

Lễ cúng Nhang Rừng được xem là sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng dân gian truyền thống của đồng bào dân tộc Choro gắn với triết lý đa thần của cư dân nông nghiệp, khẳng định sự gắn kết của cộng đồng với thiên nhiên.



Lễ hội Jang Va (còn gọi là cúng Thần Lúa hay Mừng lúa mới)



Được tổ chức vào tháng 3 âm lịch.

Đây là một trong những nghi lễ truyền thống của đồng bào Choro. Trong nghi lễ này, đồng bào Choro sẽ dâng lễ vật gồm: Bánh ống, bánh cặp, bánh dầy, heo, gà, rượu... để cầu mong sự ấm áp bình an trong gia đình, cầu cho mùa màng bội thu và rước Thần Lúa về nhà.

5. Lễ hội truyền thống của dân tộc Sán Chay

Lễ hội Cầu mùa Được tổ chức hàng năm vào đầu năm mới với mong muốn mùa màng bội thu, năm mới an bình.



Gồm 2 phần: Phần lễ với các hoạt động cúng miếu, dâng hương cầu mùa màng bội thu, múa Tắc Xình mô phỏng hoạt động trồng tỉa đầu năm, hát ví dân tộc, rước và dựng cây Còn; phần hội bao gồm các hoạt động múa lân khai hội, biểu diễn văn nghệ mừng Đảng - mừng xuân, tung còn, kéo co, giành cờ, leo cột mỡ ...



**CẨM NANG LƯU HÀNH NỘI BỘ
VÀ SẼ ĐƯỢC CẬP NHẬT KHI CÓ VĂN BẢN MỚI**

